BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
KỲ THI KTHP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023
Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 07/01/2023
Môn: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3
(Đáp án - thang điểm gồm 03 trang)

Câu	Ý	Nội dung	Thang điểm
	ĐÁP ÁN (ĐVT: đồng)		
1	1	a. Nợ TK 2412 101.900.000 Có TK 1121 33.000.000 Có TK 334 56.000.000 Có TK 214 5.500.000 Có TK 111 7.400.000	1,0
		b. Nợ TK 2412 13.160.000 (56.000.000 x 23,5%) Nợ TK 334 5.880.000(56.000.000 x 10,5%) Có TK 338 19.040.000	0,5
	2	a. Nợ TK 211 327.060.000 (212.000.000 + 115.060.000) Có TK 2412 327.060.000	0,5
		b. Nợ TK 414 327.060.000 Có TK 411 327.060.000	0,5
Tổng điểm câu 1			**2,5**
2	1	1. Nợ TK 1212 19.900.000 (25.000.000 – 25.000.000 x 0,85% x 24) Có TK 1111 19.900.000	0,25
	2	Nợ TK 1211 55.000.000 (100 x 550.000) Có TK 1111 55.000.000	0,25
	3	a. Nợ TK 1111 15.150.000 Nợ TK 635 1.350.000 Có TK 1211 16.500.000 b. Nợ TK 635 100.000 Có TK 1111 100.000	0,5
	4	Nợ TK 222 1.503.000.000 Có TK 1121 1.500.000.000 Có TK 1111 3.000.000	0,5
	5	a. Nợ TK 221 95.000.000 Nợ TK 214 20.000.000 Nợ TK 811 5.000.000 Có TK 211 120.000.000	0,5

		b. Nợ TK 221 155.000.000 Có TK 155 150.000.000 Có TK 711 5.000.000	0,5
Tổng điểm câu 2			**2,5**
3	**1**	Nợ TK 6211 580.000.000 Nợ TK 6212 170.000.000 Nợ TK 133 75.000.000 Có TK 1121 825.000.000	0,5
	2	Nợ TK 6211 174.000.000 (225.000.000 : 750.000.000 x 580.000.000) Nợ TK 6212 51.000.000 (200.000.000 – 174.000.000) Có TK 152 225.000.000	0,25
	3	Nợ TK 6221 120.000.000 Nợ TK 6222 60.000.000 Nợ TK 627 15.000.000 Có TK 334 195.000.000	0,5
	4	Nợ TK 6271 28.200.000 (120.000.000 x 23,5%) Nợ TK 6272 14.100.000 (60.000.000 x 23,5%) Nợ TK 627 3.525.000 (15.000.000 x 23,5%) Nợ TK 334 20.475.000 (195.000.000 x 10,5%) Có TK 338 66.300.000	0,5
	5	Nợ TK 6221 12.000.000 Nợ TK 6222 8.000.000 Có TK 334 20.000.000	0,25
	6	a. Nợ TK 623 97.780.000 Nợ TK 133 6.100.000 Có TK 1121 67.100.000 Có TK 334 18.000.000 Có TK 214 10.500.000 Có TK 1111 8.280.000	0,5
		b. Nợ TK 627 4.230.000 (18.000.000 x 23,5%) Nợ TK 334 1.890.000 (18.000.000 x 10,5%) Có TK 338 6.120.000	0,25
		c. Nợ TK 6231 58.668.000 (97780.000 : 200 x 120) Nợ TK 6232 39.112.000 Có TK 623 97.780.000	0,5
	7	a. Nợ TK 131 1.980.000.000 Có TK 511 1.800.000.000 Có TK 3331 180.000.000	0,25
		b. Nợ TK 6271 90.000.000	0,25

		Có TK 352 90.000.000	
		c. Phân bổ chi phí sản xuất chung cho hạng mục 1 = (15.000.000 + 3.525.000 + 4.230.000) : 200 x 120 = 13.653.000	0,25
		d.Nợ TK 1541 1.076.503.000 Có TK 6211 754.000.000 Có TK 6221 132.000.000 Có TK 6231 58.668.000 Có TK 6271 118.200.000 Có TK 627 13.653.000	0,5
		e. Nợ TK 632 1.606.503.000 Có TK 1541 1.606.503.000	0,25
		f. Nợ TK 1121 1.890.000.000 Có TK 131 1.890.000.000	0,25
Tổng điểm câu 3			**5,0**